TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 26- 9- 2025.
V/v *"Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Lê Thành Tam

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Vĩnh Long : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025; Về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Huyền T, sinh năm 1991. Cư trú tại: Khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1983. Cư trú tại: Khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huyền T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Huyền T và anh Nguyễn Hữu N1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2010 tại UBND H (nay là xã C). Trong quá trình sống chung có 02 con chung Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 10/5/2012, Nguyễn Hoàng N3, sinh ngày 17/02/2014 hiện đang sống chung với chị T. Do mẫu thuẫn trong đời sống hôn nhân và đời sống gia đình giữa chị T và anh N1 thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ, chồng mỗi người đi làm một nơi không sống chung, không ai quan tâm đến ai dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

Quan hệ hôn nhân: Ly hôn với anh Nguyễn Hữu N1.

Con chung: Yêu cầu nuôi 02 con chung Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 10/5/2012, Nguyễn Hoàng N3, sinh ngày 17/02/2014 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T đã nộp cho Tòa án, không cung cấp gì thêm.

Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị T hoặc có yêu cầu trong vụ án và tại phiên toà anh N1 tiếp tục vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long cũ nên Toà án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 chị T, anh N1 tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T trình bày do mâu thuẫn nên vợ, chồng đã ly thân không đoàn tựu lại là có thật vì vợ, chồng đã không còn sống chung, nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cho ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 10/5/2012, Nguyễn Hoàng N3, sinh ngày 17/02/2014 hiện nay đang sống chung với chị T nên tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét là phù hợp Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huyền T.

1. Chị Huỳnh Thị Huyền T ly hôn với anh Nguyễn Hữu N1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 10/5/2012, Nguyễn Hoàng N3, sinh ngày 17/02/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ tới lui, chăm nom, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huyền T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số $N^0$0001080, ngày 26/5/2025 nên không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai báo cho nguyên, bị đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND KV2-VL 01b;
- PTHA DS 01b;
- TAT 01b;
- UBND xã C 1b;
- Các đương sự 02 bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Công Hảo